

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/DS-ST
Ngày: 17 - 01 - 2024
V/v tranh chấp nợ hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Nhỏ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Thanh Tú

2. Bà Bùi Thị Thu Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Bích Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp nợ hụi*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện C, tỉnh C .

- Bị đơn: Bà Lê Thị V, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh C ..

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Phạm Thị H trình bày:**

Vào ngày 16/4/2021 âm lịch (nhằm ngày 27/5/2021 dương lịch) bà có mở dây hụi loại 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui hụi 01 lần, mỗi dây hụi gồm có 33 chung, bà Lê Thị V cùng chồng bà V là ông Nguyễn Minh T có tham gia chơi 02 chung. Dây hụi này bà V và ông T hốt hụi vào kỳ thứ 13 là tháng 4 năm 2021 âm lịch với số tiền hốt hụi là 55.400.000 đồng, bà đã giao tiền hốt hụi cho bà V và ông T đầy đủ, số tiền nợ hụi còn thiếu là 14.000.000đ.

Dây hội thứ hai mở vào ngày 15/01/2022 âm lịch bà V và ông T tham gia 02 chung, loại hội 2.000.000đ/tháng, gồm có 33 chung. Bà V, ông T hót hội vào kỳ thứ 02 là tháng 02 năm 2022 âm lịch, số tiền hót hội được là 48.900.000 đồng, bà đã giao tiền hót hội cho bà V và ông T đầy đủ, số tiền nợ hội còn thiếu là 38.000.000đ.

Như vậy, tổng số tiền mà bà V và ông T còn nợ bà là 52.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu bà Lê Thị V và ông Nguyễn Minh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ hội là 52.000.000 đồng, bà rút lại phần yêu cầu về việc yêu cầu bà V và ông T trả lãi đối với số tiền trên.

** Tại Biên bản làm việc ngày 28/8/2023 bị đơn là bà Lê Thị V trình bày:* Bà thừa nhận bà và ông T có tham gia chơi hội các dây hội do bà H làm chủ hội, cụ thể bà và ông T tham gia chơi 04 chung của hai dây hội loại hội 2.000.000 đồng/tháng, mỗi tháng khui hội 01 lần, hội mở ngày 27/5/2021 dương lịch và dây hội mở ngày 15/01/2022 âm lịch. Sau khi chơi hội đến tháng 05/2021 bà và ông Thị hót 01 chung hội, số tiền hót hội được là 55.400.000 đồng, bà H đã giao tiền hót hội cho bà và ông T đầy đủ. Đến tháng 01/2022 thì bà và ông T tiếp tục hót 01 chung hội, số tiền hót hội được là 48.900.000 đồng, bà H đã giao tiền hót hội cho bà và ông T đầy đủ.

Việc bà chơi hội do bà H làm chủ thì ông T có biết, số tiền hót hội về là để sử dụng chung trong công việc gia đình, cụ thể là tiền hót hội về để cố đất canh tác, hiện nay bà và ông T đã ly hôn vào năm 2022. Khi ly hôn thì bà giao hết tài sản cho ông T quản lý, sử dụng và ông T có trách nhiệm trả nợ cho bà H nhưng ông T không thực hiện nên bà đang khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn với ông T. Nay bà thừa nhận tính từ tháng 01/2022 đến tháng 02/2023 bà và ông T còn nợ bà H số tiền hội là 52.000.000 đồng, 02 dây hội trên đến nay vẫn chưa mãn, từ tháng 03/2023 đến nay bà và ông T vẫn còn nợ bà H tiền hội phát sinh từ sau tháng 03/2023 đến nay. Bà đồng ý liên đới với ông T trả cho bà H số tiền nợ hội theo yêu cầu của bà H.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Minh T:* Quá trình giải quyết đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của bà Phạm Thị H.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn là bà Phạm Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, có bổ sung yêu cầu Tòa án buộc bà V, ông T phải trả cho bà số tiền hội còn nợ của 02 dây hội tính đến ngày xét xử sơ thẩm, trong đó dây hội mở ngày 16/4/2021 âm lịch đã mãn, dây hội mở ngày 15/01/2022 âm lịch đã được 22 kỳ và các kỳ còn lại của dây hội chưa mãn bà sẽ yêu cầu khởi kiện sau khi mãn hội; Tổng số tiền nợ là 56.000.000đ, bà không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ hội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn thực

hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H. Buộc bà Lê Thị V và ông Nguyễn Minh T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H tổng số tiền nợ hui là 56.000.000đ. Án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa bà Phạm Thị H với bà Lê Thị V là “*Tranh chấp nợ hui*” được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại ấp Công Nghiệp, xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là bà Lê Thị V và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà V, ông T là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu của bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu buộc bà Lê Thị V và ông Nguyễn Minh T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H tổng số tiền nợ hui là 52.000.000 đồng, thấy rằng:

Căn cứ vào Biên bản về việc xây dựng tổ hùn vốn ngày 15/01/2022 âm lịch (BL 04), Biên bản cam kết tổ hùn vốn ngày 27/5/2021 dương lịch (BL 05), Tờ Hui của Vẹn Thi (viết tay – BL 06), Biên nhận Hui (bản viết tay –BL 07) có thể xác định giao dịch dân sự về việc chơi hui giữa bà Phạm Thị H với bà Lê Thị V có lập thành văn bản và các bên đương sự thừa nhận và nội dung thỏa thuận này không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử công nhận.

Tại Biên bản hòa giải ngày 28/8/2023 bị đơn là bà Lê Thị V cũng thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn là bà Phạm Thị H là đúng sự thật, đã qua bà và ông T (danh sách hui đứng tên bà V) có tham gia chơi các dây hui mà bà H làm chủ đã nêu trên. Bà V cũng xác định việc bà chơi hui do bà H làm chủ thì ông T có biết, số tiền hót hui về là để sử dụng chung trong công việc chi tiêu của gia đình (trong thời kỳ hôn nhân, chưa ly hôn), cụ thể là tiền hót hui về để cố đất canh tác, hiện

nay bà và ông T đã ly hôn vào năm 2022. Khi ly hôn thì bà giao hết tài sản chung của vợ chồng cho ông T quản lý và sử dụng, ông T có hứa là ông T sẽ trách nhiệm trả nợ cho bà H nhưng ông T không thực hiện do đó bà V đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn với ông T. Nay bà V thừa nhận từ tháng 01/2022 đến tháng 02/2023 bà và ông T còn nợ bà H số tiền hui là 52.000.000đồng, trong đó: 01 dây hui mở ngày 16/4/2021 âm lịch (đã mãn 16/12/2023 âm lịch) và 01 dây hui mở ngày 15/01/2022 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm vẫn chưa mãn, từ tháng 03/2023 đến nay bà và ông T vẫn còn nợ bà H tiền hui phát sinh từ sau tháng 03/2023 đến nay. Bà đồng ý liên đới với ông T trả cho bà H số tiền nợ hui theo yêu cầu của bà H.

Xét thấy, mặc dù ông Nguyễn Minh T (chồng bà V) không trực tiếp đứng tên danh sách tham gia chơi hui do bà H làm chủ nhưng ông T thời điểm phát sinh giao dịch chơi hui thì ông T, bà V vẫn còn trong thời kỳ hôn nhân. Trong suốt quá trình giao dịch chơi hui thì ông T có biết và sử dụng nguồn tiền hót hui vào trong chi tiêu gia đình nên nay bà H yêu cầu ông T cùng bà V có nghĩa vụ liên đới trả nợ hui còn thiếu cho bà H là có cơ sở và phù hợp với thực tế. Tại phiên tòa, bà Phạm Thị H có bổ sung yêu cầu Tòa án buộc bà V, ông T phải trả cho bà số tiền hui còn nợ của 02 dây hui tính đến ngày xét xử sơ thẩm, trong đó: Dây hui mở ngày 16/4/2021 âm lịch (nhằm ngày 27/5/2021 dương lịch, hui loại 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai hui 01 lần, mỗi dây hui gồm có 33 chung, bà Lê Thị V cùng chồng bà V là ông Nguyễn Minh T có tham gia chơi 02 chung. Dây hui này bà V và ông T hót hui vào kỳ thứ 13 là tháng 4 năm 2021 âm lịch với số tiền hót hui là 55.400.000 đồng, bà đã giao tiền hót hui cho bà V và ông T đầy đủ. Tính đến thời điểm mãn hui tháng 12/2023 âm lịch thì dây hui này bà V, ông T còn nợ bà (19 kỳ x 2.000.000đ) = 38.000.000đ – 24.000.000đ (chung sống chưa hót) = 14.000.000đ.

Dây hui thứ hai mở vào ngày 15/01/2022 âm lịch bà V và ông T tham gia 02 chung, loại hui 2.000.000đ/tháng, gồm có 33 chung. Bà V, ông T hót hui vào kỳ thứ 02 là tháng 02 năm 2022 âm lịch, số tiền hót hui được là 48.900.000 đồng, bà đã giao tiền hót hui cho bà V và ông T đầy đủ. Tính đến tháng 12/2023 âm lịch thì bà V, ông T còn nợ bà (22 kỳ x 2.000.000đ) = 44.000.000đ – 2.000.000đ (chung hui sống đã đóng 01 kỳ) = 42.000.000đ (Chung hui hiện nay chưa mãn), như vậy tổng số tiền hui mà bà V, ông T còn nợ bà H là 56.000.000đ. Đối với các kỳ còn lại của dây hui chưa mãn bà sẽ yêu cầu khởi kiện sau khi mãn hui, đồng thời bà rút lại yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ hui mà bà V, ông T còn thiếu. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì vậy, cần buộc bà V và ông T phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà H tổng số tiền nợ hui còn thiếu là 56.000.000đ là phù hợp.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: Điều 26, 35, 39, 147, 91, 92 và Điều 227, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 468 và Điều 471 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 23 và Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H: Buộc bà Lê Thị V và ông Nguyễn Minh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị H tổng số tiền hội còn nợ tính đến ngày 17/01/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là 56.000.000đ (*Năm mươi sáu triệu đồng*) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án mà bà V, ông T chậm thi hành án đối với khoản tiền nêu thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Lê Thị V, ông Nguyễn Minh T phải chịu là 2.800.000đ (*Hai triệu tám trăm nghìn đồng*).

Bà Phạm Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại toàn bộ cho bà H số tiền tạm ứng án phí là 1.300.000đ (*Một triệu ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu tiền số 0008913 ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thanh Tú

Bùi Thị Thu Thảo

Tăng Thị Nhớ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Thị Nhớ

